

Số: 2525/TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Chương trình công tác của Chính phủ năm 2021, Bộ Khoa học và Công nghệ trình Chính phủ Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH**

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2006 (Luật số 68/2006/QH11) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 (sau đây gọi là “Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật”) là văn bản pháp luật quan trọng, điều chỉnh các quan hệ liên quan đến tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Luật được xây dựng và ban hành trong bối cảnh Việt Nam đàm phán, gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), yêu cầu Việt Nam phải hoàn thiện khung pháp lý về tiêu chuẩn chất lượng, tăng cường tính minh bạch trong xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, loại bỏ rào cản kỹ thuật thương mại không cần thiết, thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại toàn cầu. Qua 15 năm thực hiện Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã được nâng lên cả chất và lượng, công tác kế hoạch, xây dựng, thẩm định và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã chặt chẽ hơn; phân công thẩm quyền, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức minh bạch hơn, phù hợp với quy định WTO và thông lệ quốc tế, góp phần thúc đẩy nâng cao năng suất chất lượng, năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa chủ lực của Việt Nam.

Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) như CPTPP, EVFTA, RCEP... dẫn đến hoạt động kinh tế quốc tế đi vào chiều sâu, thực chất hơn, doanh nghiệp xuất khẩu ngày càng đối mặt với nhiều quy định, yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các thị trường nước ngoài. Bên cạnh đó, với chủ trương của Đảng, Chính phủ khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu đối với sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; nhu cầu đổi mới sáng tạo và tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; yêu cầu đổi mới mô hình quản lý khoa học công





nghe, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia; vai trò, tầm ảnh hưởng ngày càng lớn của các hiệp hội, doanh nghiệp trong xây dựng, phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho thấy Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật trải qua thực tiễn hơn 15 năm thi hành đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng thực tiễn khách quan, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm thi hành các cam kết về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết.

## **II. CÁC VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP CỦA LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT**

### **1. Các bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật**

Sau 15 năm thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã phát sinh một số bất cập, hạn chế, đòi hỏi phải sửa đổi để phù hợp với thực tiễn và thúc đẩy sự phát triển, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cụ thể:

#### *1.1. Về hội nhập quốc tế và yêu cầu minh bạch hoá*

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trong khuôn khổ WTO, APEC, ASEAN..., thời gian qua Việt Nam đã ký kết các FTA thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, RCEP...) với các quy định, cam kết sâu hơn, mở rộng hơn trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Trong các FTA thế hệ mới đều có điều khoản quy định về minh bạch hóa liên quan đến xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp.

Tuy nhiên, Điều 6 của Luật TC&QCKT chỉ đưa ra các nguyên tắc chung về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hợp tác quốc tế, đồng thời, các điều khác của Luật TC&QCKT đã lồng ghép các quy định/cam kết về minh bạch hóa về quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp, tuy nhiên, các quy định này còn ở mức cơ bản, chỉ phù hợp với thời điểm năm 2007 khi Việt Nam mới gia nhập WTO.

Điều 8 của Luật TC&QCKT quy định những nội dung mang tính nghĩa vụ, thụ động của Việt Nam khi hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chưa thể hiện tính chủ động, tích cực của Việt Nam tham gia vào hoạt động tiêu chuẩn quốc tế.

Hiệp định WTO/TBT (Phụ lục 3) và các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (Điều 8.7 Hiệp định CPTPP, Điều 5.5 Hiệp định EVFTA, Điều 6.6 Hiệp định RCEP) quy định trách nhiệm của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia trong thúc đẩy hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn hóa, ưu tiên hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, loại bỏ rào cản kỹ thuật trong thương mại, tạo thuận lợi hóa thương mại. Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật TC&QCKT, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, quy định này chung chung, chưa xác định rõ vị trí pháp lý của





cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia thống nhất điều phối, phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia theo cam kết hội nhập quốc tế nêu trên.

Tương tự, quy định khái niệm về “Hạ tầng chất lượng quốc gia” cũng là khái niệm mà hiện nay được cộng đồng quốc tế thừa nhận và quan tâm phát triển, trong đó, tiêu chuẩn là trụ cột quan trọng nhất cho việc duy trì, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia. Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) được xác định là nền tảng cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại quốc tế thông qua thúc đẩy hoạt động tiêu chuẩn hoá, là tiền đề để các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia đang phát triển, tiếp cận thị trường quốc tế theo nguyên tắc hiện đại. Cùng với xu thế hội nhập, liên kết khu vực hiện nay, các nước ngày càng chú trọng tới việc phát triển, hoàn thiện hạ tầng chất lượng quốc gia nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia của mình. Do vậy, việc quy định về hạ tầng chất lượng quốc gia là vấn đề cần thiết.

Bên cạnh đó, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật hiện nay chưa đáp ứng hoàn toàn với yêu cầu hội nhập quốc tế theo các FTA thế hệ mới với các cam kết mở hơn cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sâu vào hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời, phải tuân thủ các yêu cầu cao hơn, chặt chẽ hơn về tính công khai, minh bạch liên quan đến hoạt động xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp trong quá trình thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại quốc tế, khu vực.

### *1.2. Về chiến lược tiêu chuẩn hoá quốc gia*

Hiện nay, hoạt động tiêu chuẩn chưa phát huy được tính dẫn dắt, chủ đạo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội do phần lớn việc xây dựng tiêu chuẩn căn cứ theo nhu cầu thực tại. Theo kinh nghiệm quốc tế, các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế như Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO), Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC), Liên minh viễn thông quốc tế (ITU), Ủy ban Tiêu chuẩn Châu Âu CEN/CENELIC hoặc các quốc gia như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc... thì việc ban hành chiến lược tiêu chuẩn hóa sẽ xác định rõ các nguyên tắc, định hướng cơ bản, thiết lập chương trình hành động tổng thể, phát triển hệ thống tiêu chuẩn trung và dài hạn trên phạm vi toàn cầu hoặc quốc gia.

Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia là nền tảng mang tính chủ đạo, định hướng phát triển lĩnh vực tiêu chuẩn, đảm bảo hoạt động tiêu chuẩn thể hiện tầm nhìn, kế hoạch tổng thể rõ ràng, xuyên suốt, hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội bền vững, tuân thủ cam kết hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển tiêu chuẩn quốc tế và các nước tiên tiến trong khu vực.

### *1.3. Về xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn*

Hệ thống tiêu chuẩn hiện nay bao gồm: tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và tiêu chuẩn cơ sở (TCCS). Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, công bố TCVN được giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo Điều 10 Luật TC&QCKT.



Trong tình hình kinh tế, xã hội ngày càng phát triển và Việt Nam đang trong tiến trình hòa nhập mạnh mẽ với thế giới, nhu cầu thị trường áp dụng tiêu chuẩn trên nhiều lĩnh vực ngày càng đa dạng, tăng cao. Kinh nghiệm của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, các quốc gia phát triển và thực tiễn của Việt Nam cho thấy, việc xây dựng tiêu chuẩn phải tôn trọng, ưu tiên nhu cầu thị trường, như vậy mới đáp ứng được yêu cầu về quản lý, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; nếu không tập trung vào thị trường, thì các tiêu chuẩn được công bố, áp dụng sẽ không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực của nhà nước và doanh nghiệp. Hơn ai hết, chính doanh nghiệp là hạt nhân của hoạt động tiêu chuẩn hoá, trực tiếp sản xuất kinh doanh, thấu hiểu nhu cầu thị trường, mong muốn của khách hàng. Vì vậy, việc xây dựng tiêu chuẩn phải có sự tham gia, xây dựng đầy đủ của các bên liên quan mà trong đó đặc biệt là từ phía doanh nghiệp.

Vi vậy, việc rà soát, quy định cụ thể hơn để khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, thu hút và khai thác hiệu quả nguồn lực xã hội, đặc biệt từ phía doanh nghiệp, là rất cần thiết.

#### *1.4. Về hoạt động đánh giá sự phù hợp*

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là văn bản nền tảng, cơ sở tiên quyết cho hoạt động đánh giá sự phù hợp (thử nghiệm, chứng nhận, giám định). Tuy nhiên, hiện nay, quy định về khái niệm, nguyên tắc chung, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp giữa Luật TC&QCKT và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa chưa thống nhất, gây bất cập, khó khăn cho hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp và doanh nghiệp. Ngoài ra, theo cam kết tại các FTA thế hệ mới, hiện nay một số quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã không còn phù hợp với thông lệ quốc tế, đó là quy định hoạt động cung cấp dịch vụ xuyên biên giới (không cần sự hiện diện pháp nhận của các tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam).

Hoạt động công nhận hiện nay tại Việt Nam dù đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, các tổ chức công nhận trong nước hoạt động tương đối độc lập, mạnh ai nấy làm, thiếu sự phối hợp, liên kết. Vì vậy, hoạt động công nhận chưa đạt hiệu quả cao, chưa phát huy hết tiềm năng trong hỗ trợ sản xuất, kinh doanh trong nước, thúc đẩy doanh nghiệp xuất khẩu trong bối cảnh mạng lưới công nhận quốc tế, khu vực Châu Á-Thái Bình Dương ngày càng phối hợp chặt chẽ, nhằm đẩy mạnh chuỗi cung ứng toàn cầu.

Các vấn đề trên gây bất cập, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đánh giá sự phù hợp. Do vậy, để quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp hiệu quả, phù hợp thông lệ chung của quốc tế, cần phải rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động đánh giá sự phù hợp.

*1.5. Về nguyên tắc, đối tượng, căn cứ, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành TCVN, QCVN, QCDP; hoạt động xây dựng, quản lý tiêu chuẩn cơ sở*

*Thứ nhất, về quy trình xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật*



Các thông tư hướng dẫn chi tiết của Bộ Khoa học và Công nghệ (Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 về xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật; Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ngày 18/11/2021 về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn) đã được sửa đổi, bổ sung và cơ bản đã hoàn thiện về quy trình, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, do ban hành từ năm 2006, nên một số quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật điều chỉnh hoạt động xây dựng, thẩm định, công bố TCVN, ban hành quy chuẩn kỹ thuật đã không còn phù hợp với thực tiễn (ví dụ: quy định trình tự, thủ tục rút gọn trong trường hợp khẩn cấp vì an toàn, thiên tai, dịch bệnh; quy định lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống QCVN; nội dung thẩm định QCVN...).

Mặt khác, hoạt động xây dựng, ban hành QCĐP thời gian qua phát triển mạnh, nhưng quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật hướng dẫn QCĐP lại khá chung chung, chưa cụ thể, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn xây dựng QCĐP tại các địa phương. Vì vậy, các địa phương còn lúng túng khi tiến hành xây dựng, thẩm định, áp dụng QCĐP trong thực tế hiện nay.

#### *Thứ hai, về đối tượng của QCVN thuộc bí mật nhà nước*

Hiện nay, Luật TC&QCKT chưa có quy định cụ thể về việc xây dựng QCVN cho đối tượng thuộc bí mật nhà nước, tạo ra những cách hiểu, diễn giải chưa thống nhất với quy định tại Luật Dự trữ quốc gia. Theo khoản 4 Điều 14 Luật Dự trữ quốc gia, Bộ Tài chính có trách nhiệm “Chủ trì, phối hợp với bộ ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia” (không giới hạn đối tượng hàng dự trữ quốc gia thuộc bí mật nhà nước).

Các quy định nêu trên đã dẫn đến vướng mắc, khó khăn khi quá trình thẩm định QCVN theo quy định tại Luật TC&QCKT phải đảm bảo thủ tục xây dựng công khai, minh bạch, lấy ý kiến các bên liên quan, trong khi các mặt hàng dự trữ quốc gia thuộc đối tượng bí mật nhà nước dùng để phục vụ cho quốc phòng, an ninh lại không thể tuân thủ quy định, thủ tục minh bạch, lấy ý kiến các bên liên quan theo Luật TC&QCKT.

#### *Thứ ba, quản lý nhà nước về tiêu chuẩn cơ sở*

Về bản chất hoạt động xây dựng tiêu chuẩn của cơ quan nhà nước thể hiện tính quyền lực, phục vụ công ích, áp dụng trên phạm vi rộng, phù hợp với việc xây dựng, áp dụng TCVN hơn. Theo quy định pháp luật về TC&QCKT, TCCS được xây dựng và chỉ áp dụng trong giới hạn phạm vi hoạt động của tổ chức công bố TCCS, nên không phù hợp với hoạt động quản lý nhà nước. Tuy nhiên, trong thực tiễn quy định này đã làm phát sinh một số trường hợp lách luật khi cơ quan quản lý nhà nước xây dựng, công bố TCCS (theo quy định pháp luật chỉ được áp dụng giới hạn trong phạm vi của cơ quan nhà nước đó, nhưng thực tế lại áp dụng cho các tổ chức, cá nhân liên quan trên phạm vi toàn quốc), gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình sản xuất, kinh doanh.



Bên cạnh đó, theo phản ánh từ các Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương, thực tiễn hiện nay, một số tổ chức, doanh nghiệp xây dựng TCCS mang tính chất đối phó, không đi vào thực chất của tiêu chuẩn là nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao NSCL. Mặt khác, theo quy định pháp luật về TC&QCKT, cơ chế quản lý TCCS rất mở, tổ chức, doanh nghiệp chỉ cần thông báo tiêu chuẩn áp dụng thông qua hình thức ghi số hiệu tiêu chuẩn hoặc các đặc tính cơ bản trên nhãn, bao gói sản phẩm hàng hóa, hoặc trong các tài liệu giao dịch liên quan. Vì vậy, công tác quản lý nhà nước gặp nhiều khó khăn trong việc thống kê, cập nhật thông tin, số liệu về TCCS; gây khó khăn, hạn chế trong công tác hậu kiểm chất lượng, truy xuất nguồn gốc, xử lý vi phạm về chất lượng liên quan tới TCCS, ảnh hưởng tới quyền lợi người tiêu dùng.

#### *1.6 Về tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn*

Khoản 1 Điều 21 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định Bộ Khoa học và Công nghệ giữ quyền xuất bản, phát hành TCVN. Tuy nhiên, trên thực tế, xuất bản và phát hành chỉ là hai trong số các hoạt động liên quan đến quản lý và khai thác tiêu chuẩn, bao gồm cả tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn quốc gia. Các hoạt động quản lý và khai thác tiêu chuẩn khác có thể kể đến như lưu trữ hồ sơ tiêu chuẩn, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về tiêu chuẩn. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa có quy định về các hoạt động quản lý, khai thác khác về tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, quy định chỉ Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền xuất bản, phát hành tiêu chuẩn là quy định không mang tính linh hoạt, dẫn đến việc phổ biến tiêu chuẩn còn gặp khó khăn, chưa huy động được tối đa nguồn lực xã hội để nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn cũng như chưa đảm bảo đầy đủ quyền tiếp cận đối với tiêu chuẩn. Trong lĩnh vực tiêu chuẩn, hiện nay, các TCVN được các Bộ, ngành xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước như việc xuất bản, phát hành phải thông qua Bộ Khoa học và Công nghệ dẫn đến việc tuyên truyền, phổ biến về tiêu chuẩn còn chậm trễ, tốn chi phí.

Việc chưa có cơ sở dữ liệu đầy đủ về tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn cơ sở khiến việc tra cứu, áp dụng tiêu chuẩn đối với các đối tượng có nhu cầu như doanh nghiệp, người dân gặp khó khăn. Để nắm được thông tin về các tiêu chuẩn cho các sản phẩm, hàng hóa, quy trình... theo mong muốn, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thường xuyên phải liên hệ với cơ quan nhà nước về tiêu chuẩn để được đáp ứng nhu cầu.

Với xu thế tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường xuất khẩu hàng hóa là một trong những định hướng lớn phát triển kinh tế xã hội, cùng với đó nhu cầu khai thác, áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, nước ngoài tăng cao dẫn đến các hành vi xâm phạm, vi phạm bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài ngày càng diễn ra tràn lan. Các FTA thế hệ mới đề quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài là đối tượng được bảo hộ sở hữu trí tuệ, điều này dẫn đến khả năng các tổ chức, cá



nhân Việt Nam sẽ bị kiện khi sử dụng, khai thác trái phép tiêu chuẩn quốc tế, nước ngoài là rất cao. Mặt khác, trong thực tiễn các tổ chức quốc tế (ISO, IEC) cũng đã có thông báo tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục TCDLCL) đề nghị hỗ trợ xử lý hành vi xâm phạm bản quyền về tiêu chuẩn, logo của ISO, IEC từ doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật chưa quy định rõ vấn đề bảo hộ quyền tác giả đối với tiêu chuẩn của các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, nước ngoài. Vì vậy, việc xử lý hành vi vi phạm gặp khó khăn.

*1.7 Về tổ chức, hoạt động của ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, sự phối hợp giữa các bộ ngành và địa phương và nhân lực hoạt động trong hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*

*Thứ nhất, về tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia*

Các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực, quốc gia đều xác định Ban kỹ thuật là trung tâm của hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, là tổ chức kỹ thuật quy tụ các chuyên gia hàng đầu trong từng lĩnh vực tiêu chuẩn cụ thể. Theo quy định, các FTA thế hệ mới yêu cầu thành viên ký kết phải cho phép các tổ chức, chuyên gia nước ngoài được trực tiếp tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa quy định thành viên ban kỹ thuật là chuyên gia nước ngoài. Trong thực tiễn, với chính sách mở cửa thu hút đầu tư vào Việt Nam hiện nay, nhu cầu của các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI cử chuyên gia nước ngoài tham gia ban kỹ thuật TCVN là rất lớn.

Bên cạnh đó, mặc dù hiện nay hàng hóa Việt Nam đã xuất khẩu đến hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhưng Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa có quy định về việc tham gia Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế, trong khi thực tiễn hiện nay cho thấy việc nâng cao vai trò của Việt Nam, chủ động tham gia vào các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế ISO, IEC, Codex... là rất cần thiết, phục vụ hiệu quả cho thúc đẩy xuất khẩu, loại bỏ rào cản kỹ thuật.

*Thứ hai, về công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*

Bộ KH&CN với vai trò là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Bộ KH&CN đã chủ động xây dựng các chương trình quốc gia, kế hoạch, định hướng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; hướng dẫn, hỗ trợ cho các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, xây dựng mới các TC&QCKT do các bộ, ngành quản lý không bị chồng chéo, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý, phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.

Tuy nhiên, trên thực tế, công tác phối hợp này còn gặp những khó khăn, vướng mắc nhất định, chủ yếu xuất phát từ sự phối hợp của các cơ quan liên quan hoặc thiếu quy định pháp luật hướng dẫn cụ thể, trong đó, có sự hạn chế về nguồn lực tài chính cho hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phối hợp trong hoạt động thông báo hỏi đáp tới tổ chức quốc tế.



*Thứ ba, về nhân lực hoạt động trong hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*

Hiện nay, đội ngũ công tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các địa phương trong một số lĩnh vực còn yếu, chưa được đào tạo chuyên sâu, trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ để thực hiện các hoạt động về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Luật TC&QCKT hiện nay còn thiếu các chính sách thiết thực trong việc tập trung đầu tư phát triển nhân lực tiêu chuẩn hóa đạt trình độ quốc tế; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực về tiêu chuẩn trong nước và ngoài nước, nhất là lực lượng trẻ tài năng trong hoạt động nghiên cứu, xây dựng, triển khai áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chính sách đào tạo về tiêu chuẩn ngay trong trường đại học như kinh nghiệm của các quốc gia phát triển, các nước trong khu vực.

Nội dung chi tiết của các bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (được gửi kèm theo).

## **2. Các vấn đề đặt ra trong việc thi hành các cam kết về Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật theo các điều ước quốc tế**

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã tham gia đàm phán và ký kết nhiều FTA như FTA Việt Nam - Hàn Quốc (*Hiệp định VKFTA, hiệu lực từ ngày 20/12/2015*); FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á-Âu (*Hiệp định VN - EAEU FTA, hiệu lực từ ngày 5/10/2016*), kể cả các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (*Hiệp định CPTPP, có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/01/2019*), FTA giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (*Hiệp định EVFTA, hiệu lực từ ngày 01/8/2020*).

Ngày 12/11/2018, Quốc hội Việt Nam đã phê chuẩn Hiệp định CPTPP theo Nghị quyết số 72/2018/QH14. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 389/QĐ-BKHCN ngày 28/02/2019 và Quyết định số 1584/QĐ-BKHCN ngày 16/6/2021 bổ sung một số nhiệm vụ vào Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 389/QĐ-BKHCN ngày 28/2/2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Việt Nam cũng đã ký kết Hiệp định EVFTA với Liên minh châu Âu ngày 30/6/2019. Ngày 06/8/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1201/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA. Bộ Khoa học và Công nghệ có Quyết định số 2473/QĐ-BKHCN ngày 08/9/2020 ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA. Việc thực thi Hiệp định EVFTA từ tháng 8/2020 đã tạo xung lực mới cho quan hệ Việt Nam - EU, mở ra các cơ hội hợp tác rộng lớn, góp phần đẩy mạnh hoạt động giao thương, kết nối đầu tư cho cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Các nghĩa vụ liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải thi hành trong Hiệp định EVFTA cũng cần



phải được xây dựng thành các chính sách để kịp thời sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhằm triển khai hiệu quả Hiệp định này.

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) được 10 quốc gia thành viên ASEAN và 05 nước đối tác của ASEAN là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ót-xtrây-li-a và Niu-Di-lân ký kết vào ngày 15/11/2022. Đến ngày 02/11/2021, đã có 06 nước ASEAN, trong đó có Việt Nam, và 04 nước đối tác là Trung Quốc, Nhật Bản, Ót-xtrây-li-a và Niu-Di-lân nộp lưu chiểu văn kiện phê duyệt/phê chuẩn Hiệp định RCEP của mình cho Tổng Thư ký ASEAN và Hiệp định RCEP chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Ngày 04/01/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Hiệp định RCEP). Tương tự như các Hiệp định trên, các nghĩa vụ liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải thi hành trong Hiệp định RCEP cũng cần phải được xây dựng thành các chính sách để kịp thời sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nhằm triển khai Hiệp định này.

Trong các Hiệp định thương mại thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP...) có một Chương quy định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, trong Chương đó luôn có một điều quy định về cam kết minh bạch hóa liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp, cụ thể: Điều 8.7 của Chương 8 Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại của Hiệp định CPTPP quy định về minh bạch hóa; Điều 5.7 của Chương 5 Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại của Hiệp định EVFTA quy định về minh bạch hóa; Điều 6.11 của Chương 6 Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại của Hiệp định RCEP quy định về minh bạch hóa. Nội dung của nghĩa vụ này yêu cầu các bên thừa nhận tầm quan trọng của tính minh bạch liên quan đến việc xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp như: tham vấn công khai, đảm bảo rằng các bên quan tâm của bên kia được phép tham gia vào các tham vấn công khai chính thức liên quan đến quá trình xây dựng, đánh giá tác động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp...

Tuy nhiên, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật hiện nay chỉ đưa ra các nguyên tắc chung, phù hợp với thời điểm năm 2007 khi Việt Nam mới gia nhập WTO. Vì vậy, có thể thấy quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật hiện nay chưa đáp ứng hoàn toàn với yêu cầu hội nhập quốc tế khi chúng ta đã ký kết, tham gia các FTA thế hệ mới, với các cam kết mở hơn cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sâu vào hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời, phải tuân thủ các yêu cầu cao hơn về minh bạch hóa. Do vậy, việc xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật là rất cần thiết.

### **III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

#### **1. Mục đích**



- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc hoàn thiện thể chế về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Bảo đảm hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phục vụ hiệu quả quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

- Nâng cao tính khả thi của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tiếp thu, nội luật hóa các cam kết quốc tế, bảo đảm sự tương thích giữa quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam với các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, đặc biệt là các quy định liên quan đến minh bạch hóa, giảm thiểu các rào cản kỹ thuật trong thương mại, thuận lợi hóa thương mại.

## **2. Quan điểm chỉ đạo**

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi) được xây dựng dựa trên các quan điểm chỉ đạo sau đây:

- *Thứ nhất*, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

- *Thứ hai*, xây dựng khung pháp lý nhằm triển khai hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp, góp phần tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng.

- *Thứ ba*, bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trên thực tiễn và sự đồng bộ của hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp.

- *Thứ tư*, nội luật hóa các quy định tại các cam kết quốc tế của Việt Nam trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp theo tinh thần của Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về “Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**



## **1. Phạm vi điều chỉnh**

Về cơ bản, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi) vẫn giữ nguyên phạm vi điều chỉnh của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 như sau: Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định về hoạt động xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn; xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

## **2. Đối tượng áp dụng**

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi) vẫn giữ nguyên đối tượng áp dụng của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 như sau:

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam.
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài.
- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam.

## **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP CỦA CHÍNH SÁCH**

Để đạt được các mục tiêu sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật như đã đặt ra ở trên, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật sẽ tập trung giải quyết 07 nhóm chính sách lớn, xuyên suốt toàn bộ nội dung của Luật, bao gồm: (1) Thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng và triển khai đầy đủ các cam kết quốc tế về yêu cầu minh bạch hoá; (2) Xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia; (3) Xã hội hóa trong hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn; (4) Tăng cường tính hiệu quả của hoạt động đánh giá sự phù hợp; (5) Hoàn thiện quy định về nguyên tắc, đối tượng, căn cứ, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành TCVN, QCVN, QCDP; nâng cao hiệu quả hoạt động xây dựng, quản lý tiêu chuẩn cơ sở; (06) Tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đồng thời đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn; (07) Nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ ngành và địa phương và cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo nhân lực hoạt động trong hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm các chính sách cụ thể, có chính sách kế thừa, cụ thể hóa quy định hiện hành và có các chính sách mới được đề xuất. Các chính sách cụ thể sau đây:

### **1. Chính sách 1: Thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng và triển khai đầy đủ các cam kết quốc tế về yêu cầu minh bạch hoá**

#### **1.1. Mục tiêu của chính sách**

- Bảo đảm sự phù hợp, tương thích pháp luật của Việt Nam với các cam kết trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, là thành viên.

- Nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp.



- Phù hợp tầm nhìn, định hướng phát triển đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các Nghị quyết, Chiến lược của Chính phủ.

### **1.2. Nội dung chính sách**

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật để nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời thúc đẩy, khuyến khích cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động tiêu chuẩn hóa quốc tế.

- Bổ sung quy định về minh bạch hóa phù hợp với các cam kết trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, là thành viên.

- Bổ sung quy định về cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia phù hợp với các cam kết trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, là thành viên.

- Bổ sung quy định về hạ tầng chất lượng quốc gia phù hợp với thông lệ quốc tế và chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Quy định trách nhiệm đảm bảo nguồn ngân sách cho các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Nguồn ngân sách này không chỉ dùng để đóng kinh phí niên niên hàng năm khi Việt Nam là thành viên của các Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế mà còn cấp kinh phí cho các chuyên gia tham gia hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt đối với các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến các mặt hàng chủ lực sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam nhằm bảo vệ cũng như nâng cao vị thế của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.

### **1.3. Giải pháp thực hiện**

Sửa đổi, bổ sung Luật TC&QCKT theo hướng bảo đảm tuân thủ các quy định, cam kết trong các FTA thế hệ mới; thể hiện vai trò chủ động, tích cực của Việt Nam tham gia vào hoạt động tiêu chuẩn quốc tế.

a) Nội dung liên quan đến minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

- Bổ sung khoản 17 Điều 3 quy định khái niệm về “Minh bạch hóa”.

- Bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 6 quy định bảo đảm sự tham gia của các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Bổ sung Điều 8d vào sau Điều 8c quy định về minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại như sau:

+ Nguyên tắc về minh bạch hóa phù hợp với các cam kết quốc tế.

+ Quy định về chính sách đối với hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế.



+ Quy định về vị trí, vai trò của cơ quan đầu mối và mạng lưới về thi hành các nghĩa vụ của Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT) và các cam kết về TBT trong các FTA.

- Bổ sung điểm l vào sau điểm k của khoản 1 Điều 60: quy định trách nhiệm phối hợp của các cơ quan trong hoạt động thông báo, hỏi đáp.

b) Nội dung liên quan đến hội nhập quốc tế:

- Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:

+ Bổ sung khoản 3 quy định Nhà nước có chính sách thúc đẩy sự tham gia của Việt Nam vào các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia là thành viên chính thức của các ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế.

+ Bổ sung khoản 4 quy định Nhà nước có cơ chế, tạo điều kiện để xây dựng thành tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực, đặc thù của Việt Nam.

c) Nội dung liên quan đến “Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia”:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3: bổ sung khoản 16 khái niệm “Tiêu chuẩn hóa”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3: bổ sung khoản 15 khái niệm “Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia”.

- Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8 quy định về cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia như sau:

+ Quy định vị trí, chức năng chung của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia.

+ Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia được Chính phủ quy định chi tiết.

d) Nội dung liên quan đến Hạ tầng chất lượng quốc gia

- Bổ sung khoản 13 Điều 1 quy định khái niệm về “Hạ tầng chất lượng quốc gia”.

- Bổ sung khoản 14 Điều 1 quy định khái niệm về “Chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia”.

- Bổ sung Điều 8c vào sau Điều 8b quy định về Hạ tầng chất lượng quốc gia như sau:

+ Quy định về cơ chế chính sách phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

+ Quy định về phối hợp xây dựng chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia.

## **2. Chính sách 2: Xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia**

### **2.1. Mục tiêu của chính sách**

- Giải quyết các bất cập trong công tác định hướng, kế hoạch tổng thể, xây dựng và triển khai áp dụng tiêu chuẩn của Việt Nam.



- Nâng cao vai trò, tính dẫn dắt của hoạt động tiêu chuẩn hóa trong phát triển kinh tế, xã hội trên cơ sở kinh nghiệm xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế như ISO, IEC, ITU, CEN/CENELIC hoặc các quốc gia như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật bản, Đức, Hàn Quốc, Zambia, Indonesia... đặc biệt, là của Trung Quốc, quốc gia đã đạt được thành tựu to lớn khi đã xây dựng và triển khai có hiệu quả Chiến lược tiêu chuẩn hóa ngay sau khi ra nhập WTO.

## **2.2. Nội dung chính sách**

- Xây dựng các nguyên tắc, định hướng cơ bản, thiết lập chương trình hành động tổng thể, phát triển hiệu quả hệ thống tiêu chuẩn trung và dài hạn trên phạm vi toàn quốc.

- Quy định nội dung cơ bản, vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ trì xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia trong từng thời kỳ xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm định hướng phát triển công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, an toàn môi trường; thúc đẩy hợp tác, ứng dụng công nghệ mới; giảm thiểu các rào cản kỹ thuật trong thương mại; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

## **2.3. Giải pháp thực hiện**

- Bổ sung Điều 8b vào sau Điều 8a quy định về chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia như sau:

- + Quy định về vai trò của chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia
- + Quy định về nội dung cơ bản và giai đoạn của chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia.
- + Quy định cơ quan chủ trì xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia.

## **3. Chính sách 3: Thúc đẩy xã hội hóa trong hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn**

### **3.1. Mục tiêu của chính sách**

- Hiện nay, nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam về hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn còn hạn chế, chưa chủ động tích cực tham gia. Do vậy, cần cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về nguồn lực tài chính (ví dụ: chính sách thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, kinh phí tham gia hoạt động tiêu chuẩn quốc tế...) để doanh nghiệp tích cực tham gia vào quá trình xây dựng, áp dụng TCVN cũng như tiêu chuẩn quốc tế.

### **3.2. Nội dung chính sách**

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân vào quá trình xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, thu hút hiệu quả các nguồn lực xã hội vào hoạt động tiêu chuẩn hóa nhằm triển khai hiệu quả các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, chương trình, đề án trọng điểm quốc gia.



### **3.3. Giải pháp thực hiện**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, cụ thể như sau:

+ Bổ sung khoản 4 theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, ưu tiên sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp để xây dựng thành tiêu chuẩn quốc gia.

+ Bổ sung khoản 5 quy định tập trung nguồn lực để xây dựng, phát triển, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia nhằm triển khai hiệu quả các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, chương trình, đề án trọng điểm quốc gia.

## **4. Chính sách 4: Tăng cường tính hiệu quả của hoạt động đánh giá sự phù hợp**

### **4.1. Mục tiêu của chính sách**

- Đảm bảo các quy định về hoạt động đánh giá sự phù hợp (khái niệm, nguyên tắc chung, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp, hoạt động công nhận) phù hợp, tương thích với các cam kết trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, là thành viên và đáp ứng với yêu cầu thực tiễn hiện nay.

- Nâng cao năng lực, chất lượng của các tổ chức đánh giá sự phù hợp; nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động công nhận tại Việt Nam.

### **4.2. Nội dung chính sách**

- Quy định thống nhất các khái niệm, nguyên tắc hoạt động về đánh giá sự phù hợp giữa Luật TC&QCKT với Luật CLSPHH.

- Quy định phạm vi, quyền, nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của các FTA.

- Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng công nhận quốc gia trong công tác tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý hoạt động công nhận.

### **4.3. Giải pháp thực hiện**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 các khái niệm về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy đảm bảo thống nhất với Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

+ Bổ sung khoản 11 quy định khái niệm về “Thử nghiệm”;

+ Bổ sung khoản 12 quy định khái niệm về “Giám định”;



- Bổ sung quy định nguyên tắc chung về hoạt động thử nghiệm, giám định, chứng nhận để thống nhất với quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, cụ thể:

+ Bổ sung Điều 43a vào sau Điều 43 quy định nguyên tắc chung về thử nghiệm;

+ Bổ sung Điều 43b vào sau Điều 43a quy định nguyên tắc chung về giám định;

+ Bổ sung Điều 43c vào sau Điều 43b quy định nguyên tắc chung về chứng nhận.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 50 quy định “Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài tại Việt Nam” để phù hợp với cam kết của Việt Nam khi tham gia các Hiệp định FTA thế hệ mới.

- Thay thế từ “chứng nhận” bằng từ “đánh giá sự phù hợp” tại: tên Mục 4 Chương IV, tên Điều 50.

- Khoản 2 Điều 45 và khoản 2 Điều 48: bổ sung cụm từ “trước khi đưa sản phẩm, hàng hóa ra lưu thông, cung cấp dịch vụ, quá trình, môi trường trên thị trường” vào sau cụm từ “cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

- Sửa đổi Điều 51 như sau:

“Điều 51. Điều kiện hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Có bộ máy tổ chức và năng lực đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp;

2. Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng;

3. Đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

- Bổ sung Điều 52a vào sau Điều 51 quy định quyền của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

- Bổ sung Điều 52b vào sau Điều 52a quy định nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

- Bổ sung điểm đ và điểm e tại khoản 2 Điều 54 như sau:

+ Bổ sung điểm đ quy định “đáp ứng yêu cầu và điều kiện của một trong các tổ chức công nhận khu vực hoặc quốc tế quy định về hoạt động công nhận tương ứng với lĩnh vực đã đăng ký”.

+ Bổ sung điểm e quy định “đăng ký hoạt động công nhận tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

- Bổ sung Điều 56a vào sau Điều 56 quy định về Hội đồng công nhận quốc gia như sau:

+ Quy định vị trí, chức năng của Hội đồng công nhận quốc gia.



+ Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng công nhận quốc gia.

**5. Chính sách 5: Hoàn thiện quy định về nguyên tắc, đối tượng, căn cứ, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành TCVN, QCVN, QCĐP; nâng cao hiệu quả hoạt động xây dựng, quản lý tiêu chuẩn cơ sở**

### **5.1. Mục tiêu của chính sách**

- Đảm bảo các quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật thống nhất với quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Đảm bảo việc lập kế hoạch xây dựng TCVN, QCVN thống nhất trong hệ thống pháp luật hiện hành và tăng tính hiệu quả của công tác này.

- Hoàn thiện quy định về trình tự nguyên tắc, căn cứ, trình tự xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành, áp dụng TCVN, QCVN, QCĐP phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành.

- Xác định rõ các đối tượng thuộc bí mật nhà nước có thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật hay không

- Bổ sung thêm loại tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu phát triển và yêu cầu hội nhập.

- Giải quyết bất cập, khó khăn trong công tác xây dựng, công bố, quản lý TCCS nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với TCCS.

### **5.2. Nội dung chính sách**

- Thống nhất các quy định giữa Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa về các khái niệm trong hoạt động đánh giá sự phù hợp, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

- Hoàn thiện quy định về nguyên tắc, căn cứ, trình tự xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành, áp dụng TCVN, QCVN, QCĐP như: bổ sung “đổi mới sáng tạo” vào căn cứ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thời gian lấy ý kiến dự thảo TCVN, QCVN trong trường hợp cấp thiết; thời gian công bố TCVN, ban hành QCVN; lập hội đồng đánh giá hồ sơ QCĐP...

- Hoàn thiện quy định cho đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Bổ sung tiêu chuẩn về định danh.

- Quy định về thẩm quyền xây dựng, công bố TCCS phù hợp với phạm vi, mục đích xây dựng, công bố TCCS.

- Quy định hoạt động thông báo TCCS tới cơ quan nhà nước để thực hiện việc theo dõi, quản lý.

### **5.3. Giải pháp thực hiện**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:



+ Sửa đổi điểm a Khoản 4 quy định dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh nghiệm thực tiễn, nhu cầu hiện tại và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội.

+ Sửa đổi điểm d khoản 4 quy định bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tiêu chuẩn và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, phù hợp quy định pháp luật về đo lường, chất lượng, góp phần trực tiếp nâng cao hạ tầng chất lượng quốc gia.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13, 30 như sau: sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 và khoản 3 Điều 30 quy định Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, đổi mới sáng tạo. Bổ sung khoản 2a quy định quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật quốc tế, khu vực, nước ngoài.

- Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 17 quy định về trình tự, thủ tục rút gọn: Trong trường hợp khẩn cấp vì an toàn, thiên tai, dịch bệnh, các trình tự, thủ tục nêu tại các khoản 1, 2, 3 được xem xét rút ngắn thời gian hoặc lược bỏ.

- Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 32 quy định về trình tự, thủ tục rút gọn: Trong trường hợp khẩn cấp vì an toàn, thiên tai, dịch bệnh, các trình tự, thủ tục nêu tại các điểm a, b, c, d, đ được xem xét rút ngắn thời gian hoặc lược bỏ.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau: sửa đổi, bổ sung khoản 2 quy định các bộ, cơ quan ngang bộ phê duyệt kế hoạch xây dựng QCVN thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống.

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 32 quy định về thành lập hội đồng đánh giá hồ sơ QCĐP tại các bộ liên quan trong trường hợp nội dung QCĐP phức tạp, liên quan nhiều lĩnh vực.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 33 về thẩm định QCVN như sau: sửa đổi khoản 1 quy định: “Sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật, cam kết quốc tế về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hạ tầng chất lượng quốc gia”.

- Bổ sung khoản 2b vào sau khoản 2a Điều 32 quy định về trình tự xây dựng các QCVN cho các đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 về loại tiêu chuẩn như sau: sửa đổi, bổ sung Khoản 5 quy định “Tiêu chuẩn ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản quy định về ghi nhãn, bao gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá và yêu cầu về định danh đơn nhất, mã hóa dữ liệu dạng ngôn ngữ máy có thể đọc, nhận dạng và thu thập dữ liệu liên quan đến các đối tượng quản lý trong chuỗi giá trị cung ứng”.

- Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 11, không quy định cơ quan nhà nước xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.



- Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau: bổ sung khoản 3a quy định tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

## **6. Chính sách 6: Tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đồng thời đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn**

### **6.1. Mục tiêu của chính sách**

- Đảm bảo các quy định về xuất bản, phát hành TCVN phù hợp với thực tiễn, việc quản lý, khai thác tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Nâng cao khả năng tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

### **6.2. Nội dung chính sách**

- Sửa đổi, bổ sung quy định về xuất bản, phát hành tại Điều 21 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thành quản lý và khai thác tiêu chuẩn, bao gồm cả hoạt động xuất bản, phát hành tiêu chuẩn; đồng thời, quy định Bộ Khoa học và Công nghệ việc hướng dẫn hoạt động quản lý và khai thác tiêu chuẩn để đảm bảo hoạt động này hiệu quả, tuân thủ pháp luật và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đối với việc tra cứu, tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Tạo cơ chế tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuận lợi hơn.

- Đối với bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài: Quy định nguyên tắc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### **6.3. Giải pháp thực hiện**

- Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 21 như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung theo hướng chuyển hoạt động xuất bản, phát hành thành hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn.

+ Bổ sung khoản 2 quy định bảo hộ bản quyền tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài.

+ Bổ sung quy định về tra cứu, tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hệ thống cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Bổ sung điểm c1 vào sau điểm c khoản 1 Điều 59 quy định trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ “Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật”.

## **7. Chính sách 7: Nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ ngành và địa**



## **phương và cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo nhân lực hoạt động trong hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật**

### **7.1. Mục tiêu của chính sách**

- Nâng cao số lượng, chất lượng và hiệu quả hoạt động của ban kỹ thuật TCVN nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng TCVN, phù hợp với quy định về sự tham gia của các bên liên quan trong các FTA thế hệ mới.

- Nâng cao hiệu quả của hoạt động phối hợp giữa các bộ ngành và địa phương.

- Thu hút nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia hoạt động tiêu chuẩn hóa.

### **7.2. Nội dung chính sách**

- Quy định rõ hơn về tổ chức, hoạt động ban kỹ thuật TCVN.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích việc tham gia vào hoạt động của ban kỹ thuật TCVN.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích việc tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

- Bổ sung quy định về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động tiêu chuẩn hóa.

- Quy định trách nhiệm đảm bảo nguồn ngân sách cho các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- Quy định trách nhiệm phối hợp của các cơ quan trong hoạt động thông báo, hỏi đáp.

### **7.3. Giải pháp thực hiện**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

+ Bổ sung khoản 1 quy định về tiêu ban kỹ thuật, nhóm công tác trong trường hợp cần thiết.

+ Bổ sung khoản 2 quy định thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm cá nhân hoặc đại diện từ các tổ chức nước ngoài.

+ Điểm a khoản 3 Điều 16 bổ sung cụm từ “tư vấn cho các Bộ, ngành xác định đối tượng xây dựng tiêu chuẩn quốc gia”.

+ Bổ sung khoản 4 quy định Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để thành viên các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế và quy định cơ chế hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu cử đại diện tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế thông qua đầu mối là các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tương ứng.

- Sửa đổi bổ sung Điều 7 như sau: Sửa đổi bổ sung khoản 1 quy định chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thông qua



các chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các trường học; hỗ trợ, thúc đẩy đào tạo, tập huấn, chứng nhận chuyên gia về tiêu chuẩn hóa.

- Bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 60 như sau:

+ Bổ sung điểm g khoản 1 quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc bố trí nguồn ngân sách bảo đảm các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

+ Bổ sung điểm l vào sau điểm k của khoản 1 quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành đối với hoạt động thông báo, hỏi đáp.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THỐNG QUA**

### **1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Luật**

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong phạm vi cả nước.

- Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong phạm vi địa phương mình.

### **2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Luật**

#### **2.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành**

Sau khi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi) được ban hành, Chính phủ sẽ khẩn trương giao các Bộ chuẩn bị theo thẩm quyền để ban hành các văn bản quy định chi tiết và triển khai Luật đầy đủ, đúng tiến độ.

#### **2.2. Tổ chức thực thi luật sau khi ban hành**

Sau khi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi) được ban hành, Chính phủ sẽ:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực thi Bộ Khoa học và Công nghệ với các hình thức phong phú, phù hợp với từng đối tượng: cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp.

- Phân công, phối hợp liên ngành để triển khai thực hiện Luật thông qua các hình thức: tuyên truyền, phổ biến pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật.

- Tăng cường năng lực thanh tra tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

#### **2.3. Nguồn kinh phí để triển khai Luật**



Sau khi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (sửa đổi) được ban hành, dự kiến kinh phí thực thi gồm:

- Kinh phí để soạn thảo và ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật: xxx triệu đồng
- Kinh phí tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các cơ quan trung ương: xxx triệu đồng.
- Kinh phí tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các cơ quan địa phương: xxx triệu đồng.
- Kinh phí thanh tra, kiểm tra, giám sát: được thực hiện lồng ghép trong ngân sách chi thường xuyên của các cơ quan trung ương, địa phương.

Kinh phí thực hiện nói trên sẽ được thực hiện lồng ghép trong ngân sách chi thường xuyên của các cơ quan trung ương, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

## **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT, THÔNG QUA**

Dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua vào kỳ họp tháng 10 năm 2024.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (i) Đề cương Dự thảo Luật; (ii) Báo cáo đánh giá tác động dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; (iii) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; (iv) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác và bản sao ý kiến góp ý). *llllll*

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TP, NG, CT, GTVT, XD, LĐTĐ, CA, QP, NHNN, TC, VHTTDL, NNPTNT, TTTT, YT, TNMT, GDĐT, NV (để p/h);
- Lưu: VT, TĐC, PC (3).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Xuân Định**